

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 02 -12 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Ngọc Liễu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Bích

Bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà: Ông Hoàng Xuân Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2024/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 21/11/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Chỗ ở hiện tại: đường H, khu L, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc).

Người đại diện theo ủy quyền trong việc ký, nộp, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Nguyễn Kiều T1, sinh năm 2002. Địa chỉ: tổ F, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Là nhân viên của Công ty L và cộng sự cử (căn cứ Giấy ủy quyền ngày 19/7/2024 và Quyết định số 109/2024/QĐ – KP ngày 01/9/2024).

2. *Bị đơn:* anh Đoàn Tiến D, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ A, phường D, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị T2, sinh năm 1968. Địa chỉ: Xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

(chị T, anh D, bà T2 đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị Bùi Thị T và anh Đoàn Tiến D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hòa Bình năm 2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Sau đó, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, đã sống ly thân. Đến năm 2022, chị T đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Do vợ chồng ở xa nhau, bất đồng quan điểm nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn anh D. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung là cháu Đoàn Thái D1, sinh ngày 02/5/2016 và cháu Đoàn Thái S, sinh ngày 01/3/2019. Sau khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu D1 và cháu S, trong thời gian chị T ở nước ngoài thì ủy quyền cho bà Bùi Thị T2 (là bà ngoại của hai cháu) nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T tự nguyện nộp tiền án phí ly hôn theo quy định.

Chị T xin vắng mặt, ủy quyền cho Công ty L và Cộng sự đại diện nộp hồ sơ ly hôn, chi phí tố tụng, ký nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho (bao gồm cả bản án) và bàn giao lại cho chị T. Công ty đã cử chị Nguyễn Kiều T1 là nhân viên công ty thực hiện công việc này.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2024, bị đơn anh Đoàn Tiến D trình bày: Năm 2015, anh D và chị T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2022, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Chị T đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, anh D không đồng ý dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị T xin ly hôn, anh D đồng ý ly hôn. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung là cháu Đoàn Thái D1, sinh ngày 02/5/2016 và cháu Đoàn Thái S, sinh ngày 01/3/2019. Trước khi đi Đài Loan, 02 con chung do bà T2 là bà ngoại của các cháu chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên, đến tháng 9 năm 2024 anh D đã đón cháu D1 về chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, để đảm bảo cuộc sống của các con, anh D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1, giao cháu S cho chị T nuôi dưỡng, anh D cũng nhất trí để bà T2 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S trong thời gian chị T đang ở nước ngoài. Hiện tại anh D lái xe taxi, thu nhập khoảng 5 – 7 triệu đồng/ tháng, đang sống cùng ông Đoàn Văn C (bố đẻ anh D). Vì vậy, anh D

đảm bảo việc nuôi cháu D1, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có. Anh Đoàn Tiến D cũng xin vắng mặt tại các buổi làm việc với Tòa án.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2024 và các tài liệu khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T2 trình bày: bà T2 là mẹ đẻ của chị Bùi Thị T. Chị T và anh Đoàn Tiến D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hòa Bình năm 2015. Quá trình sinh sống, ban đầu vợ chồng không có mâu thuẫn, đến năm 2022 do chị T đi nước ngoài, vợ chồng không có sự liên hệ. Trong thời gian này, bà T2 chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Đoàn Thái D1, sinh ngày 02/5/2016 và cháu Đoàn Thái S, sinh ngày 01/3/2019. Tiền nuôi dưỡng các cháu do chị T gửi về. Đến tháng 9 năm 2024, anh D đón cháu D1 về chăm sóc và hiện nay cháu đang học tại trường tiểu học V thuộc phường D. Nay chị T xin ly hôn anh D, bà T2 cho rằng đây là việc riêng của các con nên bà T2 không can thiệp, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung, chị T muốn nuôi dưỡng cả hai con, ủy quyền cho bà chăm sóc cho 02 cháu trong thời gian chị T đi nước ngoài. Tuy nhiên, để đảm bảo cuộc sống của các cháu, cháu S còn nhỏ trước đó và bây giờ bà vẫn chăm sóc nuôi dưỡng cháu S, cháu D1 đang ở với bố nên bà đề nghị sẽ chăm sóc cháu S trong thời gian chị T ở nước ngoài, giao cháu D1 cho anh Đoàn Tiến D nuôi dưỡng. Về tiền nuôi dưỡng cháu S do chị T tự gửi về, bà T2 không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thưphiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Đoàn Tiến D. Về con chung, giao cháu Đoàn Thái D1, sinh ngày 02/5/2016 cho anh Đoàn Tiến D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Đoàn Thái S, sinh ngày 01/3/2019 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian chị T đi nước ngoài thì bà Bùi Thị T2 có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu S. Về cấp dưỡng: Chưa ai có yêu cầu nên không đề cập xử lý. Về tài sản chung và công nợ chung: không có nên không đề cập xử lý. Về án phí: chị Bùi Thị T tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Đ Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn chị Bùi Thị T trú tại xóm Q, xã H, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Hiện chị T đang ở Đài Loan (Trung Quốc), chị T có đơn xin ly hôn anh Đoàn Tiến D và đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung. Bị đơn anh Đoàn Tiến D trú tại tổ A, phường D, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con để thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Tại phiên tòa, chị T, anh D và bà T2 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Đoàn Tiến D kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Sau đó, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm. Đến năm 2022, chị T đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan (Trung Quốc). Do vợ chồng ở xa nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mặc dù vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không được. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn, anh D đồng ý nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh D.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đoàn Thái D1, sinh ngày 02/5/2016 và cháu Đoàn Thái S, sinh ngày 01/3/2019. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D1 và cháu S, trong thời gian chị T đi nước ngoài thì giao con chung cho bà Bùi Thị T2 nuôi dưỡng. Anh Đoàn Tiến D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D1, còn cháu S thì giao cho chị T nuôi dưỡng, trong thời gian chị T ở nước ngoài, anh D nhất trí để cháu S cho bà T2 chăm sóc thay chị T. Bà T2 nhất trí nuôi dưỡng cháu S trong thời gian chị T ở nước ngoài. Trên thực tế, trước đây và hiện nay bà T2 vẫn đang nuôi dưỡng, chăm sóc cháu S, cháu D1 có ý kiến muốn được ở với anh D. Để việc nuôi dưỡng con chung được đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các con cũng như phù hợp với nguyện vọng con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đoàn Thái D1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đoàn Thái S cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian chị T ở nước ngoài thì bà Bùi Thị T2 sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đoàn Thái S thay chị T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh D và bà T2 đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong cùng vụ án.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh D đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Bùi Thị T tự nguyện nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Đoàn Tiến D.

1.2. Về con chung:

- Giao cháu Đoàn Thái D1, sinh ngày 02/5/2016 cho anh Đoàn Tiến D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi nuôi con chung.

- Giao cháu Đoàn Thái S, sinh ngày 01/3/2019 cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi nuôi con chung. Trong thời gian chị T ở nước ngoài, tạm giao cho bà Bùi Thị T2 có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Thái S thay chị T.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được phép cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh D và bà T2 đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong cùng vụ án.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị T tự nguyện chịu 150.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004802 ngày 17/10/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình. Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị T 150.000đ tiền tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh Dũng, bà T2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu TH, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Liễu